



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

7. 11.

1284. Uccamidaṃ maṇithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā¹ rucakatthatā² subhā.
1285. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vaggū,³
dibbā rasā kāmagaṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.
1286. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
1287. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.

¹ veḷuriyathambhā - Ma.

² ruciratthatā - Syā.

³ vaggū - Syā, PTS.

7. 11.

1284. “Thiên cung này cao, có cây trụ chống bằng ngọc ma-ni, ở xung quanh mười hai do-tuần, có bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cây cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

1285. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

1286. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

1287. Hỏi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người: ‘Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?’”

1288. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

1289. Dunnikkhittaṃ¹ mālaṃ sunikkhipitvā
patiṭṭhapetvā sugatassa thūpe,
mahiddhiko camhi mahānubhāvo
dibbehi kāmehi samaṅgibhūto.

1290. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

1291. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamaṃ akāsiṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

Sunikkhittavimānaṃ.

Sunikkhittavaggo sattamo.

TASSUDDĀNAṃ

Dve daḷiddā dve vihārā² bhatako³ gopālakanthakā,⁴
anekavaṇṇā⁵ maṭṭakuṇḍalī serissako sunikkhittaṃ,
purisānaṃ tatiyo vaggo ”ti.⁶

BHĀṄAVĀRAṃ CATUTTHAṃ.

VIMĀNAVATTHU NIṬṬHITAṃ.

--ooOoo--

¹ dunikkhittaṃ - PTS.

² vana vihārā - Ma.

³ bhatako - Syā.

⁴ gopālakaṇḍako - Ma.

⁵ anekavaṇṇa - Ma, PTS.

⁶ tatiyo vaggo pavuccati ti - Ma.

1288. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1289. Sau khi khéo đặt xuống tràng hoa đã được đặt xuống cầu thả, sau khi sắp đặt nó ở ngôi bảo tháp của đấng Thiện Thệ, tôi trở nên có đại thần lực và có đại oai lực, được thọ hưởng các dục ở cõi Trời.

1290. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1291. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

Thiên Cung Khéo Đặt Xuống.

Phẩm Khéo Đặt Xuống là thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

(Chuyện) hai người nghèo khó, hai (chuyện về) trú xá, (chuyện) kẻ làm thuê, (chuyện) người chăn bò, (chuyện) con ngựa Kanthaka, (Thiên cung) nhiều màu sắc, (chuyện) Maṭṭakuṇḍalī, (chuyện) Serissaka, (Thiên cung) khéo đặt xuống; được gọi là phẩm thứ ba của những người nam.”

TỤNG PHẨM THỨ TƯ.

CHUYỆN THIÊN CUNG ĐƯỢC CHẤM DỨT.

--ooOoo--